

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa”.

(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép số 140/GP-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH XD khai thác khoáng sản Thiên Phú được thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép số 245/GP-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH TM Thuận Lợi được tiếp tục thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 14/01/2022 của Công ty TNHH TM Thuận Lợi đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 395 /TTr-STNMT ngày 04/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 4,9 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 16 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại đã tính trong báo cáo: Trữ lượng cấp 122: 783.806 m³ trong đó:

+ Đất làm vật liệu san lấp là 702.867 m³;

+ Đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại là 80.939 m³ tương đương 153.784 tấn

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng đất làm vật liệu san lấp và đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Trữ lượng cấp 122: 783.806 m³ trong đó:

+ Đất làm vật liệu san lấp là 702.867 m³;

+ Đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại là 80.939 m³ tương đương 153.784 tấn

- Các khoáng sản đi kèm: Không.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TNMT, XD;
- Công ty TNHH TM Thuận Lợi;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VÀ ĐÁ ONG PHONG HÓA
KHÔNG CHỨA KIM LOẠI TỰ SINH HOẶC KHOÁNG VẬT KIM LOẠI TẠI
XÃ TƯỢNG SON, HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2 161 674.00	573 263.00
2	2 161 703.00	573 251.00
3	2 161 698.00	573 214.00
4	2 161 737.00	573 191.00
5	2 161 750.00	573 210.00
6	2 161 788.00	573 198.00
7	2 161 753.00	573 108.00
8	2 161 742.00	573 099.00
9	2 161 707.00	573 046.00
10	2 161 679.00	573 034.00
11	2 161 624.32	573044.02
12	2 161 494.12	572 910.56
13	2 161 413.82	573 016.58
14	2 161 521.00	573 093.00
15	2 161 599.00	573 164.00
16	2 161 621.00	573 165.00
Diện tích: 4,9 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VÀ ĐÁ ONG PHONG HÓA KHÔNG CHỨA
KIM LOẠI TỰ SINH HOẶC KHOÁNG VẬT KIM LOẠI TẠI XÃ TƯỢNG
SƠN, HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng		Ghi chú
			Đất san lấp (m ³)	Đá ong phong hóa (m ³)	
1	KI-122	+ 10,0	66.501	11.786	
2	KII-122	+ 10,0	513.996	56.028	
3	KIII-122	+ 10,0	108.135	9.675	
4	KIV-122	+ 10,0	14.235	3.450	
Tổng trữ lượng từng loại khoáng sản cấp 122			702.867	80.939 m³ tương đương 153.784 tấn	
Tổng trữ lượng toàn bộ mỏ cấp 122			783.806 m³		